TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
TỔ CHUYÊN GIA TƯ VẤN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 16 tháng 10 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt lựa chọn đơn vị thực hiện hạng mục công việc: Dịch vụ cung cấp vật tư, máy móc và nhân lực để sửa chữa, thay thế hệ thống kết cấu thép và tôn bao che nhà lò tại lò hơi Thu hồi- Nhà máy Điện – Tổng công ty Giấy Việt Nam

Kính gửi: Tổng giám đốc Tổng Công ty Giấy Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 1799/QĐ-GVN.PT ngày 09/10/2026 của Tổng Giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc ban hành quy trình thực hiện mua sắm cho các đơn vị nhận khoán.

Căn cứ Quyết định 1809/QĐ-GVN.PT ngày 12/10/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc thành lập tổ tư vấn giúp việc đấu thầu trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ, phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng của Xí nghiệp Bảo dưỡng Tổng công ty Giấy Việt Nam;

Căn cứ biên bản đánh giá tình trạng thiết bị ngày 08/10/2026;

Căn cứ biên bản họp tổ chuyên gia tư vấn ngày 16/10/2026;

Để đảm bảo dây chuyền sản xuất được được an toàn, liên tục, ổn định, hiệu quả, Tổ chuyên gia tư vấn trình Tổng giám đốc Tổng Công ty Giấy Việt Nam phê duyệt đơn vị thực hiện công việc: Dịch vụ cung cấp vật tư, máy móc và nhân lực để sửa chữa, thay thế hệ thống kết cấu thép và tôn bao che nhà lò tại lò hơi Thu hồi- Nhà máy Điện - Tổng công ty Giấy Việt Nam, với các nội dung như sau:

- Tên đơn vị thực hiện công việc: Công ty CP Công nghiệp Đại Việt.
- Giá chào của nhà cung cấp là là: 1.997.692.000 đồng (đã bao gồm thuế GTGT 08%).

(Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Phạm vi công việc và đơn giá chi tiết theo phụ lục đính kèm.
- Thời gian thực hiện công việc: 50 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản thoả thuận và bên A bàn giao thiết bị cho bên B.

Được quét bằng CamScanner

- Tổ chuyên gia Tư vấn và các đơn vị liên quan sẽ thực hiện các bước công việc đúng theo quy chế mua sắm hàng hóa, dịch vụ của Tổng công ty.

Vậy đề nghị Tổng giám đốc xem xét phê duyệt.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	TỔ TRƯỞNG
Nguyễn Anh Tuấn	Nguyễn Quang Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tạ Đức Long

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: XNBD;

Được quét bằng CamScanner

Phụ lục: Bảng nội dung công việc và giá trị thoả thuận					
STT	**Nội dung diễn giải công việc**	**Đơn vị**	**Khối lượng**	**Đơn giá (đ)**	**Thành tiền (đ)**
I	**Hệ thống khung, cột chống chính, dầm chịu lực giằng chéo, dầm đỡ ngang, dọc kết cấu thép xung quanh lò**				
1	Cùng bên A kiểm tra đánh dấu các vị trí cần thay thế, lập phương án thi	công	2,0	340.000	680.000
2	Vận chuyển thiết bị đến công trình lắp đặt và vận chuyển về	chuyến	3,0	3.800.000	11.400.000
3	Lắp dựng dàn giáo thi công	100m2	2,50	2.700.000	6.750.000
A	**Ốp cột chống chính**				
4	Làm sạch bề mặt kim loại cũ của cột chính lò Thu hồi bằng máy mài đĩa chổi sắt, độ sạch ST2.0	m2	81,40	200.000	16.280.000
5	Sơn lại cột chính lò Thu hồi bằng sơn Epoxy Hải Phòng, 1 nước lót, 2 nước phủ	m2	81,40	115.000	9.361.000
6	Chế tạo thép biện pháp để gia cố thân cột chính lò Thu hồi trước khi sửa chữa (không tính vật tư chính)	tấn	1,0	15.000.000	15.000.000
7	Lắp đặt thép biện pháp để gia cố thân cột chính lò Thu hồi trước khi sửa chữa	tấn	1,0	16.000.000	16.000.000

Được quét bằng CamScanner

8	Gia công, chế tạo thép gia cố các cột chống chình lò hơi Thu hồi (Ống thép đúc ⊙457,2x16mm, xuất xứ: Trung Quốc)	tấn	5,2201	46.000.000	240.124.600
9	Làm sạch bề mặt kim loại, độ sạch 2,5Sa - sử dụng cát	m2	81,3924	260.000	21.162.024
10	Sơn sắt thép 01 nước lót, 2 nước phủ sơn Epoxy Hải Phòng cho phần thép chế tạo	m2	81,3924	115.000	9.360.126
11	Vận chuyển kết cấu thép gia cố cột từ nơi chế tạo về địa điểm thi công	chuyến	1,0	3.800.000	3.800.000
12	Vận chuyển kết cấu thép lên vị trí lắp đặt	tấn	5,2201	2.300.000	12.006.230
13	Lắp đặt KCT ốp phần thân cột	tấn	5,2201	16.000.000	83.521.600
B	**Sửa chữa dầm H250+H200**				
14	Thảo dỡ dầm thép bị hỏng, mọt gỉ và sàn grating phục vụ thi công (dầm thép tính bằng 60% khối lượng ban đầu, sàn Grating tháo ra sau này lắp lại)	tấn	3,5741	7.000.000	25.018.700
15	Vận chuyển kết cấu thép cũ xuống cos 0.0m	tấn	3,5741	3.100.000	11.079.710
16	Vận chuyển KCT sau tháo dỡ bị han rỉ, hư hỏng về bãi tập kết phế liệu của Tổng công ty	tấn	2,1497	860.000	1.848.742
17	Chế tạo thép biện pháp để thay thế sửa chữa dầm H trước khi	tấn	0,50	15.000.000	7.500.000

Được quét bằng CamScanner

	sửa chữa (không tính vật tư chính)				
18	Lắp đặt thép biện pháp để để thay thế sửa chữa dầm H trước khi sửa chữa	tấn	0,50	16.000.000	8.000.000
19	Gia công, chế tạo thép H250+H200 và bản mã để thay thế, sửa chữa (Thép hình H250x250x9x14mm, xuất xứ: Trung Quốc, H200x200x8x12mm, xuất xứ: Đại Việt/ Việt Nam, thép tấm dầy 10mm, xuất xứ: Hòa Phát/Việt Nam)	tấn	4,3678	46.000.000	200.918.800
20	Làm sạch bề mặt kim loại, độ sạch 2,5Sa - sử dụng cát	m2	98,0	260.000	25.480.000
21	Sơn sắt thép 01 nước lót, 2 nước phủ sơn Epoxy Hải Phòng cho phần thép chế tạo	m2	98,0	115.000	11.270.000
22	Vận chuyển kết cấu thép từ cos 0.0 lên vị trí lắp đặt	tấn	5,7922	3.100.000	17.955.820
23	Lắp đặt dầm H250+H200 và bản mã thay thế	tấn	4,3678	27.000.000	117.930.600
24	Lắp đặt lại tấm sàn grating	tấn	1,4244	31.000.000	44.156.400
II	**Cầu thang, lan can sàn thao tác lò thu hồi phía giáp với Chưng bốc – Xút hóa. Tại vị trí trên cos +24 m**				
25	Tháo dỡ cầu thang, dầm sàn, lan can, sàn thao tác cũ bị hỏng, mọt gỉ và sàn grating phục vụ thi công tại vị trí cos +24m đến cos +34m (cầu thang, dầm sàn, lan can, sàn thao tác cũ tính	tấn	7,6127	14.500.000	110.384.150

Được quét bằng CamScanner

	bằng 60% khối lượng ban đầu, sàn Grating tháo ra sau này lắp lại)				
26	Tháo dỡ mái tôn	100m2	1,60	16.000.000	25.600.000
27	Vận chuyển tấm lợp cũ xuống cos 0.0 và đưa về nơi tập kết	100m2	1,60	940.000	1.504.000
28	Vận chuyển KCT tháo dỡ bị han rỉ, hư hỏng về bãi tập kết phế liệu của Tổng công ty	tấn	2,2949	860.000	1.973.614
29	Gia công, chế tạo cầu thang, dầm sàn, lan can, sàn thao tác (thép hình U180x70x5,1x8,7mm, U140x58x4,9mm, xuất xứ: Trung Quốc, An Khánh/ Việt Nam; H150x150x7x10mm, L70x70x6mm, xuất xứ: Đại Việt/ Việt Nam)	tấn	3,8249	44.000.000	168.295.600
30	Sơn sắt thép 01 nước lót, 2 nước phủ sơn Epoxy Hải Phòng cho phần thép chế tạo	m2	143,350	115.000	16.485.250
31	Vận chuyển kết cấu thép gia cố cột từ nơi chế tạo về địa điểm thi công	chuyến	1,0	3.800.000	3.800.000
32	Vận chuyển kết cấu thép từ cos 0.0 lên cos +24m đến cos +34m	tấn	9,1427	3.100.000	28.342.370
33	Vận chuyển tấm lợp từ cos 0.0 đến vị trí lắp đặt	100m2	1,60	940.000	1.504.000
34	Lắp đặt KCT cầu thang, lan can sàn thao tác lò thu hồi	tấn	3,8249	31.000.000	118.571.900

Được quét bằng CamScanner

35	Lắp đặt lại hoàn trả tấm sàn grating	tấn	5,3178	31.000.000	164.851.800
36	Lợp mái che tường bằng tôn mạ mầu dày 0,45mm. Tại vị trí cos +24m đến cos +34m	100m2	1,60	60.000.000	96.000.000
III	**Cầu thang, lan can sàn thao tác lò Thu hồi phía giáp với Nhà điều khiển Trung tâm**				
37	Tháo dỡ giằng cũ bị hỏng, mọt gỉ tại vị trí cos +24m đến cos +34m (giằng cũ tính bằng 60% khối lượng ban đầu)	tấn	1,3611	14.500.000	19.735.950
38	Tháo dỡ mái tôn	100m2	1,80	16.000.000	28.800.000
39	Vận chuyển kết cấu thép cũ từ xuống cos 0.0 và đưa về nơi tập kết	tấn	1,3611	5.500.000	7.486.050
40	Vận chuyển tấm lợp cũ xuống cos 0.0 và đưa về nơi tập kết	100m2	1,80	1.600.000	2.880.000
41	Vận chuyển KCT sau tháo dỡ bị han rỉ, hư hỏng về bãi tập kết phế liệu của Tổng công ty	tấn	1,3611	860.000	1.170.546
42	Gia công, chế tạo thép cầu thang, lan can sàn thao tác lò thu hồi (thép hình U180x70x5,1x8,7mm, U140x58x4,9mm, xuất xứ: Trung Quốc, An Khánh/ Việt Nam; H150x150x7x10mm, L70x70x6mm, xuất xứ: Đại Việt/ Việt Nam)	tấn	2,2687	42.000.000	95.285.400
43	Làm sạch bề mặt kim loại, độ sạch 2,5Sa - sử dụng cát	m2	72,20	260.000	18.772.000

Được quét bằng CamScanner

44	Sơn sắt thép 01 nước lót, 2 nước phủ sơn Epoxy Hải Phòng cho phần thép chế tạo	m2	72,20	115.000	8.303.000
45	Vận chuyển kết cấu thép từ cos 0.0 lên cos +24m đến cos +34m	tấn	2,2680	5.500.000	12.474.000
46	Vận chuyển tấm lợp từ cos 0.0 đến vị trí lắp đặt	100m2	1,80	1.600.000	2.880.000
47	Lắp đặt KCT giằng khung, lan can cầu thang	tấn	2,2680	16.000.000	36.288.000
48	Lợp mái che tường bằng tôn mạ mầu dày 0,45mm. Tại vị trí cos +24m đến cos +34m	100m2	1,80	60.000.000	108.000.000
49	Vệ sinh hoàn trả mặt băng.	công	5,0	340.000	1.700.000
	TỔNG CỘNG GIÁ SAU THUẾ				**1.997.691.982**
	LÀM TRÒN				**1.997.692.000**

Bằng chữ: Một tỷ chín trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng chẵn././.

Được quét bằng CamScanner